

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05-33
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11-33

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 86/UBCK-GP ngày 20/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4, Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Tú	Chủ tịch
Bà Phạm Diễm Hoa	Phó Chủ tịch
Bà Phạm Thị Lợi	Ủy viên
Ông Ngô Tiến Minh	Ủy viên
Ông Phạm Đức Long	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Diễm Hoa	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Đình Tùng	Trưởng ban
Ông Trịnh Công Thắng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Thơm	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Diễm Hoa

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		374.845.442.069	345.486.917.289
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	36.489.082.315	50.019.910.999
111	1. Tiền		19.189.082.315	19.019.910.999
112	2. Các khoản tương đương tiền		17.300.000.000	31.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	322.176.599.601	259.954.099.982
121	1. Đầu tư ngắn hạn		341.055.989.759	260.933.584.892
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(18.879.390.158)	(979.484.910)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	206.854.735	21.719.756.438
131	1. Phải thu của khách hàng		50.000.000	277.159.625
132	2. Trả trước cho người bán		21.706.908	5.592.779.065
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		-	15.621.786.965
138	5. Các khoản phải thu khác		160.147.827	253.030.783
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(25.000.000)	(25.000.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		15.972.905.418	13.793.149.870
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		262.250.523	29.030.931
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.054.487.385	1.087.487.179
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	11.830.431.760	11.830.431.760
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	2.825.735.750	846.200.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		140.354.845.021	171.669.895.874
220	II. Tài sản cố định		1.642.184.137	2.010.912.261
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.597.739.693	1.956.114.503
222	- Nguyên giá		9.985.323.078	9.985.323.078
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.387.583.385)	(8.029.208.575)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	44.444.444	54.797.758
228	- Nguyên giá		2.315.299.300	2.265.299.300
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.270.854.856)	(2.210.501.542)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	71.376.195.865	101.411.156.257
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		59.906.300.000	64.983.658.494
258	4. Đầu tư dài hạn khác		14.950.000.000	39.950.000.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(3.480.104.135)	(3.522.502.237)
260	V. Tài sản dài hạn khác		67.336.465.019	68.247.827.356
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	14.705.174.392	15.616.536.729
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	13	2.371.312.002	2.371.312.002
268	4. Tài sản dài hạn khác	14	50.259.978.625	50.259.978.625
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		515.200.287.090	517.156.813.163

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		12.129.360.967	6.220.582.245
310	I. Nợ ngắn hạn		12.039.360.967	6.220.582.245
312	2. Phải trả người bán		54.436.196	543.879.565
313	3. Người mua trả tiền trước		340.000.000	51.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	267.167.359	379.894.358
315	5. Phải trả người lao động		419.333.009	373.323.218
316	6. Chi phí phải trả	16	321.793.739	379.563.629
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	10.152.499.130	3.882.390.747
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		-	126.399.194
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		484.131.534	484.131.534
330	II. Nợ dài hạn		90.000.000	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		90.000.000	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		503.070.926.123	510.936.230.918
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	503.070.926.123	510.936.230.918
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		503.000.000.000	503.000.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		8.353.605.115	8.353.605.115
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(8.282.678.992)	(417.374.197)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		515.200.287.090	517.156.813.163

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	30/06/2014	01/01/2014
005	5. Ngoại tệ các loại	25.986,52	26.002,56
	EUR	99,76	99,42
	USD	25.886,76	25.903,14
006	6. Chứng khoán lưu ký	778.606.000.000	473.534.280.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch	544.250.920.000	464.014.280.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	78.540.280.000	14.148.430.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	460.934.660.000	445.078.180.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	4.775.980.000	4.787.670.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	135.472.000.000	-
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	135.472.000.000	-
017	6.3. Chứng khoán cầm cố	75.729.880.000	-
019	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	75.729.880.000	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	23.153.200.000	9.520.000.000
028	- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	1.380.000.000	-
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	21.773.200.000	9.520.000.000

Phạm Thị Trung Hậu
Người lập

Nguyễn Thị Trang
Kế toán trưởng



Phạm Diễm Hoa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu	19	18.191.815.942	10.300.827.278
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		3.971.601.802	1.889.211.910
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		6.621.265.199	3.344.040
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		291.818.183	1.039.090.909
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		150.000	-
01.9	Doanh thu khác		7.306.980.758	7.369.180.419
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	19	18.191.815.942	10.300.827.278
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	20	21.960.564.570	5.457.698.477
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(3.768.748.628)	4.843.128.801
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	4.254.096.274	4.575.192.876
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(8.022.844.902)	267.935.925
31	8. Thu nhập khác		180.000.000	312.800
32	9. Chi phí khác		22.459.893	42
40	10. Lợi nhuận khác		157.540.107	312.758
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(7.865.304.795)	268.248.683
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(7.865.304.795)	268.248.683
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	(156)	5

mau

Trang



Phạm Diễm Hoa

Phạm Thị Trung Hậu
Người lập

Nguyễn Thị Trang
Kế toán trưởng

Phạm Diễm Hoa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh		5.733.721.714	3.079.969.374
02	2. Tiền chi hoạt động kinh doanh		(3.168.552.794)	(981.934.674)
06	4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng		892.152.529.517	285.173.343.745
07	5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng		(984.286.085.790)	(281.172.990.441)
10	8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.977.989.044)	(96.384.758.675)
11	9. Tiền chi trả cho người lao động		(2.436.511.571)	(1.579.832.288)
12	10. Tiền chi trả lãi vay		(10.388.889)	(185.413.333)
14	12. Tiền thu khác		201.206.071.239	453.034.673
15	13. Tiền chi khác		(168.953.721.212)	(3.684.632.157)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(61.740.926.830)	(95.283.213.776)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(50.000.000)	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(336.920.000.000)	(147.845.444.736)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		365.100.353.451	135.714.034.667
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(45.797.800.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.873.000.000	174.588.563.321
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.200.140.351	14.197.520.681
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		48.203.493.802	130.856.873.933
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		3.500.000.000	29.000.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.500.000.000)	(30.800.000.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(3.621.637.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(5.421.637.500)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(13.537.433.028)	30.152.022.657
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		50.019.910.999	70.117.099.557
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		6.604.344	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	36.489.082.315	100.269.122.214

Phạm Thị Trung Hậu

Phạm Thị Trung Hậu
Người lập

Nguyễn Thị Trang

Nguyễn Thị Trang
Kế toán trưởng



Phạm Diễm Hoa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2014

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

6 tháng đầu năm 2014	Thuyết minh	01/01/2014 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2014 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		503.000.000.000	-	-	503.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		8.353.605.115	-	-	8.353.605.115
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(417.374.197)	(7.865.304.795)	-	(8.282.678.992)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	510.936.230.918	(7.865.304.795)	-	503.070.926.123

6 tháng đầu năm 2013	Thuyết minh	01/01/2013 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2013 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		503.000.000.000	-	-	503.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		8.353.605.115	-	-	8.353.605.115
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(1.195.539.221)	268.248.683	-	(927.290.538)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	510.158.065.894	268.248.683	-	510.426.314.577

mae

Nguyễn Thị Trang



Phạm Thị Trung Hậu
Người lập

Nguyễn Thị Trang
Kế toán trưởng

Phạm Diễm Hoa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 86/UBCK-GP ngày 20/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4, Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 503.000.000.000 đồng; tương đương 50.300.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 86/ UBCK-GP ngày 20/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp, hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính .

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo quy định tại Thông tư 228/2009/ TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.7 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “trung đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.9 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2013 của tổ chức kinh tế.

2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.14 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.15 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALLTầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
	VND	VND
Của Công ty Chứng khoán	9.978.651	208.166.717.600
- Cổ phiếu	9.978.651	208.166.717.600
Của người đầu tư	224.335.829	2.395.128.318.100
- Cổ phiếu	224.335.829	2.395.128.318.100
	<u>234.314.480</u>	<u>2.603.295.035.700</u>

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	544.790.948	402.279.745
Tiền gửi ngân hàng	9.637.584.758	15.948.045.643
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	9.006.706.609	2.669.585.611
Các khoản tương đương tiền (*)	17.300.000.000	31.000.000.000
	<u>36.489.082.315</u>	<u>50.019.910.999</u>

(*): Các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Bắc Á kỳ hạn 1 tháng với lãi suất từ 6%/năm đến 7%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán thương mại	7.992.061	1.414.876	153.385.989.759	25.483.231.441	40.875.299	583.030.869	(18.879.390.158)	(979.484.910)	134.547.474.900	25.086.777.400
Chứng khoán niêm yết	7.992.018	1.414.733	153.385.329.759	25.480.724.441	40.875.299	583.030.869	(18.878.906.558)	(977.784.310)	134.547.298.500	25.085.971.000
- MBB	52.188	52.188	694.100.400	694.100.400	26.094.000	-	-	(31.312.800)	720.194.400	662.787.600
- ACB	-	30	-	867.485	-	-	-	(399.485)	-	468.000
- AGF	-	10	-	259.800	-	-	-	(60.800)	-	199.000
- BCC	-	40	-	536.000	-	-	-	(308.000)	-	228.000
- CSM	-	120.000	-	4.524.000.000	-	-	-	(204.000.000)	-	4.320.000.000
- CTN	-	33	-	858.000	-	-	-	(656.700)	-	201.300
- CTS	-	21	-	405.300	-	-	-	(258.300)	-	147.000
- DAE	-	61	-	829.600	-	207.400	-	-	-	1.037.000
- DCS	-	12	-	238.800	-	-	-	(192.000)	-	46.800
- DIC	6.641	6.641	66.805.890	66.805.890	-	-	(12.349.690)	(19.654.790)	54.456.200	47.151.100
- FCM	59.390	-	837.399.000	-	-	-	(23.756.000)	-	813.643.000	-
- FIT	930.000	-	14.253.900.000	-	-	-	(768.900.000)	-	13.485.000.000	-
- FLC	138.000	-	1.545.600.000	-	13.800.000	-	-	-	1.559.400.000	-
- HAI	18	18	580.500	580.500	-	-	(148.500)	(175.500)	432.000	405.000
- HPC	-	239	-	4.800.400	-	-	-	(3.892.200)	-	908.200
- HT1	7	7	108.500	108.500	-	-	(11.900)	(73.500)	96.600	35.000
- ITA	-	221.998	-	1.553.986.000	-	-	-	(88.799.200)	-	1.465.186.800
- ITC	15	15	480.000	480.000	-	-	(364.500)	(364.500)	115.500	115.500
- KDC	7	7	310.000	310.000	110.000	47.000	-	-	420.000	357.000
- KLF	2.232.600	-	27.014.460.000	-	-	-	(2.009.340.000)	-	25.005.120.000	-
- KSS	309.500	-	1.949.850.000	-	-	-	(92.850.000)	-	1.857.000.000	-
- MCO	-	14	-	267.400	-	-	-	(219.800)	-	47.600
- NBP	-	62	-	1.537.600	-	-	-	(502.200)	-	1.035.400
- NHC	-	33	-	1.333.200	-	-	-	(643.500)	-	689.700
- NSC	9	9	312.800	312.800	393.700	380.200	-	-	706.500	693.000
- OGC	-	20.000	-	240.000.000	-	-	-	(24.000.000)	-	216.000.000
- PHH	802.800	-	6.021.000.000	-	-	-	(80.280.000)	-	5.940.720.000	-
- PIT	5	5	68.000	68.000	-	-	(24.500)	(34.000)	43.500	34.000
- PLC	-	143	-	1.510.000	-	1.106.900	-	-	-	2.616.900
- PVC	-	10	-	259.000	-	-	-	(114.000)	-	145.000
- PVI	-	51	-	1.085.988	-	-	-	(162.888)	-	923.100
- PVS	-	90	-	1.489.341	-	337.659	-	-	-	1.827.000
- PVX	760.300	-	3.345.320.000	-	-	-	(152.060.000)	-	3.193.260.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- QNC	-	72	-	2.338.300	-	-	-	(1.942.300)	-	396.000
- REE	4	4	66.401	66.401	38.799	51.999	-	-	105.200	118.400
- SDD	-	18	-	192.590	-	-	-	(125.990)	-	66.600
- SFC	2	2	93.000	93.000	-	-	(46.600)	(45.000)	46.400	48.000
- SHB	-	230.000	-	1.725.000.000	-	-	-	(138.000.000)	-	1.587.000.000
- SHN	162.500	-	780.000.000	-	-	-	(65.000.000)	-	715.000.000	-
- SHS	-	120	-	1.381.000	-	-	-	(661.000)	-	720.000
- SJE	-	80	-	2.250.000	-	-	-	(970.000)	-	1.280.000
- STB	2	2	41.997	41.997	-	-	(797)	(7.597)	41.200	34.400
- TCM	2	2	35.800	35.800	19.200	5.400	-	-	55.000	41.200
- TCR	6	6	52.800	52.800	-	-	(19.200)	(29.400)	33.600	23.400
- THI	2.508.000	416.752	96.664.129.871	12.463.979.989	-	580.357.611	(15.655.729.871)	-	81.008.400.000	13.044.337.600
- THT	-	100	-	1.896.100	-	-	-	(836.100)	-	1.060.000
- TNA	3	3	60.300	60.300	18.600	11.700	-	-	78.900	72.000
- TPH	-	72	-	720.000	-	-	-	(244.800)	-	475.200
- TTC	-	20	-	200.000	-	40.000	-	-	-	240.000
- TXM	-	75	-	727.500	-	-	-	(247.500)	-	480.000
- VC1	-	80	-	3.832.000	-	-	-	(2.552.000)	-	1.280.000
- VC2	-	57	-	2.086.200	-	-	-	(1.510.500)	-	575.700
- VC9	-	75	-	1.950.000	-	-	-	(1.432.500)	-	517.500
- VCG	-	150.492	-	1.718.047.837	-	-	-	(198.078.637)	-	1.519.969.200
- VCS	-	76	-	2.605.023	-	-	-	(1.579.023)	-	1.026.000
- VGS	-	19	-	473.100	-	-	-	(364.800)	-	108.300
- VIC	14	14	495.000	495.000	401.000	485.000	-	-	896.000	980.000
- VIS	-	194.850	-	2.455.110.000	-	-	-	(253.305.000)	-	2.201.805.000
- VNE	30.000	-	210.000.000	-	-	-	(18.000.000)	-	192.000.000	-
- VTO	5	5	59.500	59.500	-	-	(25.000)	(28.000)	34.500	31.500
Chứng khoán Upcom				1.994.000	-	-	(30.000)	(1.247.000)	117.000	747.000
- HBD	10	60	147.000	882.000	-	-	(30.000)	(210.000)	117.000	672.000
- V11	-	40	-	840.000	-	-	-	(780.000)	-	60.000
- VSP	-	10	-	272.000	-	-	-	(257.000)	-	15.000
Chứng khoán khác			513.000	513.000	-	-	(453.600)	(453.600)	59.400	59.400
- CIC	33	33	513.000	513.000	-	-	(453.600)	(453.600)	59.400	59.400

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác			187.670.000.000	235.450.353.451	-	-	-	-	187.670.000.000	235.450.353.451
- Tiền gửi kỳ hạn 6 tháng (*)			187.670.000.000	98.550.353.451	-	-	-	-	187.670.000.000	98.550.353.451
- Ủy thác đầu tư tài chính			-	52.000.000.000	-	-	-	-	-	52.000.000.000
- Ủy thác đầu tư tài chính			-	60.000.000.000	-	-	-	-	-	60.000.000.000
- Hợp đồng Repo chứng khoán			-	24.900.000.000	-	-	-	-	-	24.900.000.000
			341.055.989.759	260.933.584.892	40.875.299	583.030.869	(18.879.390.158)	(979.484.910)	322.217.474.900	260.537.130.851

(*) Các hợp đồng tiền gửi kỳ với NH TMCP Bắc Á kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 7,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	01/01/2014			Số phát sinh trong kỳ		30/06/2014			Tổng số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng	277.159.625	-	50.000.000	-	227.159.625	50.000.000	-	50.000.000	(25.000.000)
- Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước	50.000.000	-	50.000.000	-	-	50.000.000	-	50.000.000	(25.000.000)
- Công ty Cổ phần Vàng Phố Wall	29.045.195	-	-	-	29.045.195	-	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại XNK HFC Việt Nam	62.250.000	-	-	-	62.250.000	-	-	-	-
- Tổng Cty Xây dựng Công trình Giao Thông 6 - TNHH MTV	25.000.000	-	-	-	25.000.000	-	-	-	-
- Thuế TNCN của nhà đầu tư	110.864.430	-	-	-	110.864.430	-	-	-	-
Trả trước cho người bán	5.592.779.065	-	-	59.972.160	5.631.044.317	21.706.908	-	-	-
- Trung tâm Dịch vụ khách hàng - Viễn thông Hà Nội	1.000.000	-	-	-	1.000.000	-	-	-	-
- Ngô Thị Kim Dung	5.583.000.000	-	-	-	5.583.000.000	-	-	-	-
- Công ty CP thương mại và giải pháp phần mềm RPS	8.779.065	-	-	-	8.779.065	-	-	-	-
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC	-	-	-	9.883.500	-	9.883.500	-	-	-
- Sở giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	-	50.088.660	38.265.252	11.823.408	-	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	15.621.786.965	-	-	-	15.621.786.965	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	15.621.786.965	-	-	-	15.621.786.965	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	253.030.783	-	-	6.772.446.238	6.865.329.194	160.147.827	-	-	-
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	248.417.033	-	-	6.766.988.525	6.859.134.225	156.271.333	-	-	-
- Phải thu khác	4.613.750	-	-	5.457.713	6.194.969	3.876.494	-	-	-
	21.744.756.438	-	50.000.000	6.832.418.398	28.345.320.101	231.854.735	-	50.000.000	(25.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALLTầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	11.830.431.760	11.830.431.760
	11.830.431.760	11.830.431.760

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	175.735.750	46.200.000
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược (*)	2.650.000.000	800.000.000
	2.825.735.750	846.200.000

(*): Theo văn bản số 12/2014 ngày 21/5/2014 của Hội đồng quản trị về việc mua quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất để làm văn phòng giao dịch:

Hợp đồng đặt cọc ngày 6/9/2013 với bà Phạm Thị Lợi về việc mua quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại số 41 Ngô Quyền, TP HCM, số tiền đặt cọc 650.000.000 đồng.

Hợp đồng đặt cọc ngày 30/06/2014 với ông Nguyễn Đăng Trường về việc mua quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại số 2, ngách 20/02 Phố Ông Bích Khiêm, TP. Hà Nội, số tiền đặt cọc 2.000.000.000 đồng.

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH*(Xem chi tiết tại phụ lục 01)***10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2014	2.265.299.300	2.265.299.300
Mua sắm	50.000.000	50.000.000
Tại ngày 30/06/2014	2.315.299.300	2.315.299.300
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2014	2.210.501.542	2.210.501.542
Trích khấu hao	60.353.314	60.353.314
Tại ngày 30/06/2014	2.270.854.856	2.270.854.856
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2014	54.797.758	54.797.758
Tại ngày 30/06/2014	44.444.444	44.444.444

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán sẵn sàng để bán			59.906.300.000	64.983.658.494	(3.475.578.507)	(3.517.976.609)	56.430.721.493	61.465.681.885
Chứng khoán chưa niêm yết			59.906.300.000	64.983.658.494	(3.475.578.507)	(3.517.976.609)	56.430.721.493	61.465.681.885
- Công ty CP khoáng sản Thiên Đức	-	390.000	-	5.077.358.494	-	(42.398.102)	-	5.034.960.392
- Công ty CP May Đức Giang	926.980	926.980	25.569.800.000	25.569.800.000	-	-	25.569.800.000	25.569.800.000
- Công ty CP Khu nghỉ dưỡng và Sân Golf Đầm vạc	120.585	120.585	28.336.500.000	28.336.500.000	(3.331.238.138)	(3.331.238.138)	25.005.261.862	25.005.261.862
- Công ty Cổ phần Điện máy	200.000	200.000	6.000.000.000	6.000.000.000	(144.340.369)	(144.340.369)	5.855.659.631	5.855.659.631
Đầu tư dài hạn khác			14.950.000.000	39.950.000.000	(4.525.628)	(4.525.628)	14.945.474.372	39.945.474.372
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Phố Wall	1.495.000	1.495.000	14.950.000.000	14.950.000.000	(4.525.628)	(4.525.628)	14.945.474.372	14.945.474.372
- Hợp tác đầu tư xây dựng tòa nhà 163 Đại La và 152 Ngọc Lâm Hà Nội	-	-	-	25.000.000.000	-	-	-	25.000.000.000
			74.856.300.000	104.933.658.494	(3.480.104.135)	(3.522.502.237)	71.376.195.865	101.411.156.257

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALLTầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tại ngày đầu kỳ	15.616.536.729	17.126.901.639
Tăng trong kỳ	7.493.636	10.050.000
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(918.855.973)	(770.042.665)
Tại ngày cuối kỳ	14.705.174.392	16.366.908.974
Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:		
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trả trước tiền thuê tầng 7 và tầng 9, tòa nhà ICON 4 (*)	13.552.941.172	13.783.957.216
Chi phí sửa chữa tầng 9 tòa nhà ICON 4	1.132.521.598	1.813.004.865
Chi phí trả trước dài hạn khác	19.711.622	19.574.648
	14.705.174.392	15.616.536.729

(*) Chi phí thuê 720 m2 tầng 7 và tầng 9 tòa nhà Icon 4, số 243 Đê La Thành, Hà Nội của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4. Thời hạn thuê từ ngày 01/09/2012 đến 15/10/2043.

Sau ngày 15/10/2043, khi giấy phép giao sử dụng đất hết hạn, nếu không có quyết định thu hồi đất của Nhà nước, Bên cho thuê được Nhà nước tiếp tục gia hạn thuê đất tiếp hoặc được giao đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Khi đó Công ty sẽ được tiếp tục thuê diện tích tòa nhà mà không phải trả bất kỳ khoản chi phí nào khác. Công ty Cổ phần Chứng khoán phố Wall sẽ là đồng chủ sở hữu với chủ đầu tư là Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 4 và chỉ phải trả tiền thuê đất hàng năm cho Nhà nước hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

13 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.805.370.968	1.805.370.968
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	445.941.034	445.941.034
Số dư cuối kỳ	2.371.312.002	2.371.312.002

14 . TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đặt cọc mua văn phòng tại tầng 1,2 tòa nhà 163A Đại La (*)	50.000.000.000	50.000.000.000
Các khoản đặt cọc, ký quỹ khác	259.978.625	259.978.625
	50.259.978.625	50.259.978.625

(*) Hợp đồng đặt cọc ngày 10/12/2013 về việc thực hiện đặt cọc mua quyền sở hữu văn phòng, quyền sử dụng đất ở tầng 1 và tầng 2 tòa nhà 163A Đại La với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Phố Wall với mục đích làm trụ sở Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALLTầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	267.167.359	379.894.358
	<u>267.167.359</u>	<u>379.894.358</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Trích trước phí dịch vụ tòa nhà ICON4	35.814.783	288.012.442
Phí giao dịch chứng khoán	124.467.946	-
Chi phí phải trả khác	161.511.010	91.551.187
	<u>321.793.739</u>	<u>379.563.629</u>

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	37.928.380	-
Bảo hiểm y tế	6.413.085	-
Bảo hiểm thất nghiệp	2.850.260	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.006.706.609	2.783.789.951
Cổ tức phải trả Công ty CP May Đức Giang	1.098.600.796	1.098.600.796
	<u>10.152.499.130</u>	<u>3.882.390.747</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
6 tháng đầu năm 2013				
Tại ngày 01/01/2013	503.000.000.000	8.353.605.115	(1.195.539.221)	510.158.065.894
Lãi trong kỳ	-	-	268.248.683	268.248.683
Tại ngày 30/06/2013	503.000.000.000	8.353.605.115	(927.290.538)	510.426.314.577
6 tháng đầu năm 2014				
Tại ngày 01/01/2014	503.000.000.000	8.353.605.115	(417.374.197)	510.936.230.918
Lỗ trong kỳ	-	-	(7.865.304.795)	(7.865.304.795)
Tại ngày 30/06/2014	503.000.000.000	8.353.605.115	(8.282.678.992)	503.070.926.123

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2014 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2014 VND	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Đình Tú	112.973.800.000	22,46%	112.973.800.000	22,46%
Vốn góp của các cổ đông khác	390.026.200.000	77,54%	390.026.200.000	77,54%
	503.000.000.000	100%	503.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÓ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	503.000.000.000	503.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	503.000.000.000	503.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	503.000.000.000	503.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.300.000	50.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.300.000	50.300.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.300.000	50.300.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.300.000	50.300.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.300.000	50.300.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

19 . DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Doanh thu	18.191.815.942	10.300.827.278
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	3.971.601.802	1.889.211.910
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	6.621.265.199	3.344.040
- Doanh thu hoạt động tư vấn	291.818.183	1.039.090.909
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	150.000	-
- Doanh thu khác	7.306.980.758	7.369.180.419
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	18.191.815.942	10.300.827.278

20 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2.001.272.761	1.295.431.274
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	891.246.208	11.745.214.513
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	25.000	-
Chi phí dự phòng/ hoàn nhập	17.857.507.146	(8.864.310.236)
Chi phí khác	10.388.889	169.458.889
Chi phí trực tiếp chung	1.200.124.566	1.111.904.037
	21.960.564.570	5.457.698.477

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALLTầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.246.431.926	1.120.377.729
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	576.743.651	328.141.829
Chi phí khấu hao tài sản cố định	339.390.354	608.162.676
Thuế, phí và lệ phí	18.559.500	153.755.065
Chi phí dự phòng	-	11.687.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.762.160.809	2.049.688.522
Chi phí khác bằng tiền	310.810.034	303.379.805
	4.254.096.274	4.575.192.876

22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(7.865.304.795)	268.248.683
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(10.061.488.335)	(4.492.083.092)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(4.132.028.167)	(3.344.040)
- <i>Chuyển lỗ các năm trước</i>	(5.929.460.168)	(4.488.739.052)
Tổng thu nhập tính thuế	(17.926.793.130)	(4.223.834.409)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(11.830.431.760)	(11.830.431.760)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	(11.830.431.760)	(11.830.431.760)

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(7.865.304.795)	268.248.683
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(7.865.304.795)	268.248.683
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	50.300.000	50.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(156)	5

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALLTầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.489.082.315	-	50.019.910.999	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	210.147.827	(25.000.000)	16.151.977.373	(25.000.000)
Đầu tư ngắn hạn	153.385.989.759	(18.879.390.158)	25.483.231.441	(979.484.910)
Các khoản cho vay	187.670.000.000	-	235.450.353.451	-
Đầu tư dài hạn	74.856.300.000	(3.480.104.135)	104.933.658.494	(3.522.502.237)
	452.611.519.901	(22.384.494.293)	432.039.131.758	(4.526.987.147)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	10.296.935.326	4.552.669.506
Chi phí phải trả	321.793.739	379.563.629
	10.618.729.065	4.932.233.135

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALLTầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.489.082.315	-	-	36.489.082.315
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	185.147.827	-	-	185.147.827
Đầu tư ngắn hạn	134.506.599.601	-	-	134.506.599.601
Các khoản cho vay	187.670.000.000	-	-	187.670.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	71.376.195.865	71.376.195.865
	<u>358.850.829.743</u>	<u>-</u>	<u>71.376.195.865</u>	<u>430.227.025.608</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.019.910.999	-	-	50.019.910.999
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	16.126.977.373	-	-	16.126.977.373
Đầu tư ngắn hạn	24.503.746.531	-	-	24.503.746.531
Các khoản cho vay	235.450.353.451	-	-	235.450.353.451
Đầu tư dài hạn	-	-	101.411.156.257	101.411.156.257
	<u>326.100.988.354</u>	<u>-</u>	<u>101.411.156.257</u>	<u>427.512.144.611</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALLTầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2014				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	10.206.935.326	90.000.000	-	10.296.935.326
Chi phí phải trả	321.793.739	-	-	321.793.739
	10.528.729.065	90.000.000	-	10.618.729.065
Tại ngày 01/01/2014				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	4.552.669.506	-	-	4.552.669.506
Chi phí phải trả	379.563.629	-	-	379.563.629
	4.932.233.135	-	-	4.932.233.135

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25 . CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN DOANH NGHIỆP NẴM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền gửi của nhà đầu tư	9.006.706.609	2.669.585.611
	9.006.706.609	2.669.585.611

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Môi giới, Lưu ký VND	Tự doanh VND	Tư vấn VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	3.971.751.802	6.621.265.199	291.818.183	7.306.980.758	18.191.815.942
Chi phí bộ phận trực tiếp	2.001.297.761	18.748.753.354	-	10.388.889	20.760.440.004
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	5.454.220.840
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.970.454.041	(12.127.488.155)	291.818.183	7.296.591.869	(8.022.844.902)
Tài sản bộ phận trực tiếp	(9.292.584.637)	415.912.289.759	1.054.487.385	17.460.147.827	425.134.340.334
Tài sản không phân bổ	-	-	-	90.065.946.756	90.065.946.756
Tổng tài sản	(9.292.584.637)	415.912.289.759	1.054.487.385	107.526.094.583	515.200.287.090
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	10.159.743.601	-	340.000.000	-	10.499.743.601
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	1.629.617.366
Tổng nợ phải trả	10.159.743.601	-	340.000.000	-	12.129.360.967

Theo Khu vực địa lý

Do hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra ở TP Hà Nội nên Công ty không trình bày Báo cáo Bộ phận theo Khu vực địa lý



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALLTầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	6 tháng	6 tháng	
	đầu năm 2014	đầu năm 2013	
	VND	VND	
Ủy thác đầu tư tài chính			
Công ty CP Vàng Phố Wall	Cùng Tập đoàn	(52.000.000.000)	(2.980.000.000)
Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Đô Thị Phố Wall (Dự án 163 Đai La và 152 Ngọc Lâm)	Góp vốn	(25.000.000.000)	-
Doanh thu			
Công ty CP Đầu tư và Thương Mại Xuất Nhập khẩu HFC Việt Nam	Cùng Tập đoàn	180.000.000	-
Công ty CP May Đức Giang	Cổ đồng sáng lập	4.131.786.767	-
Repo Chứng khoán			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất Nhập khẩu HFC Việt Nam	Cùng Tập đoàn	(24.900.000.000)	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Mối quan hệ	30/06/2014	01/01/2014	
	VND	VND	
Ủy thác đầu tư tài chính			
Công ty Cổ phần Vàng Phố wall	Cùng Tập đoàn	-	52.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất Nhập khẩu HFC Việt Nam	Cùng Tập đoàn	-	60.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Đô Thị Phố Wall	Góp vốn	-	25.000.000.000
Đầu tư dài hạn			
Công ty CP May Đức Giang	Cổ đồng sáng lập	25.569.800.000	25.569.800.000
Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Đô Thị Phố Wall	Cùng Tập đoàn	14.950.000.000	14.950.000.000
Repo chứng khoán			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất Nhập khẩu HFC Việt Nam	Cùng Tập đoàn	-	24.900.000.000
Ký quỹ ký cược			
Phạm Thị Lợi	Ủy viên Hội đồng Quản trị	650.000.000	800.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng	6 tháng
	đầu năm 2014	đầu năm 2013
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	494.735.862	471.803.995

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.



Phạm Thị Trung Hậu
Người lập



Nguyễn Thị Trang
Kế toán trưởng



Phạm Diễm Hoa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALLTầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

PHỤ LỤC 01: TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2014	3.658.371.491	3.640.069.952	2.686.881.635	9.985.323.078
Tại ngày 30/06/2014	3.658.371.491	3.640.069.952	2.686.881.635	9.985.323.078
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2014	3.414.431.511	1.927.895.429	2.686.881.635	8.029.208.575
Trích khấu hao	55.035.648	303.339.162	-	358.374.810
Tại ngày 30/06/2014	3.469.467.159	2.231.234.591	2.686.881.635	8.387.583.385
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2014	243.939.980	1.712.174.523	-	1.956.114.503
Tại ngày 30/06/2014	188.904.332	1.408.835.361	-	1.597.739.693

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

VND

